

Số: 2029/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 9 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000  
Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2).**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định một số nội dung chi tiết về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1438/QĐ-TTg ngày 03/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ ý kiến của Thường trực Thành ủy tại Văn bản số 690-CV-VPTU ngày 01/7/2016 về Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2);

Căn cứ Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 16/4/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) do Công ty Cổ phần Hapaco làm chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 29/11/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và ban hành Quy định về quản lý quy hoạch Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ

thuật do Công ty Cổ phần Công nghiệp Hồng Đức làm chủ đầu tư trong Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2);

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 60/TTr-SXD ngày 06/9/2016,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) - nay là Khu công nghiệp DEEP-C2A (với tính chất quy hoạch phân khu chức năng đặc thù) với những nội dung sau:

### **I. Vị trí.**

Khu công nghiệp DEEP-C2A có vị trí thuộc phường Đông Hải 2 và phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Phía Bắc giáp đường Tân Vũ - Lạch Huyện và Khu công nghiệp Đình Vũ.
- Phía Nam giáp biển.
- Phía Đông giáp Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1).
- Phía Tây giáp lạch sông Cấm.

### **II. Quy mô.**

Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 5.133.985,89m<sup>2</sup>.

### **III. Tính chất.**

Là khu công nghiệp hiện đại, đa ngành bao gồm: Công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ tổng hợp (bao gồm cả dệt may và các sản phẩm đầu vào cho ngành dệt may), công nghiệp dược phẩm và các ngành công nghiệp khác theo quy định; dịch vụ logistic và hậu cần cảng,... thuộc ranh giới Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải.

### **IV. Nội dung quy hoạch.**

#### **A. Quy hoạch kiến trúc.**

#### **1. Quy hoạch sử dụng đất.**

**Bảng cân bằng sử dụng đất**

<b>Stt</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Đất hành chính, thương mại - dịch vụ	66.300,00	1,29
2	Đất công nghiệp, nhà máy, kho bãi	3.975.500,00	77,43
3	Đất cây xanh - mặt nước	523.900,00	10,20
4	Đất kỹ thuật đầu mối	56.700,00	1,10
5	Đất giao thông	511.585,89	9,98

<b>Tổng</b>	<b>5.133.985,89</b>	<b>100,00</b>
-------------	---------------------	---------------

- Đất thương mại dịch vụ có quy mô 66.300m<sup>2</sup> (chiếm 1,29%), được bố trí tiếp giáp tuyến đường Tân Vũ - Lạch Huyện tại vị trí tiếp cận trục đường chính vào khu công nghiệp.

- Khu đất cây xanh - mặt nước có quy mô 523.900m<sup>2</sup> (chiếm 10,20%), được bố trí theo dạng tập trung kết hợp hồ điều hòa và theo dạng tuyến (dải cây xanh ven các trục đường chính).

- Đất công nghiệp, nhà máy, kho bãi có quy mô 3.975.500m<sup>2</sup> (chiếm 77,43%).

- Đất kỹ thuật đầu mối có diện tích 56.700m<sup>2</sup> (chiếm 1,1%) có vị trí tiếp giáp khu cây xanh.

- Đất giao thông và bãi đỗ xe có diện tích 511.585,89m<sup>2</sup> (chiếm 9,98%), được tổ chức quy hoạch theo dạng ô cờ hướng Tây Bắc - Đông Nam đảm bảo về mật độ và khoảng cách giữa các trục đường chính.

**Bảng thống kê các lô đất**

Stt	Ký hiệu	Lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)
<b>I</b>	<b>TMDV1</b>	<b>Đất hành chính, thương mại dịch vụ</b>	<b>66.300,00</b>	40	7
<b>II</b>	<b>CN</b>	<b>Đất công nghiệp, nhà máy, kho bãi</b>	<b>3.975.500,00</b>		
1	CN1	Đất công nghiệp, nhà máy, kho bãi	412.700,00	60	2
2	CN2	Đất công nghiệp, nhà máy, kho bãi	307.100,00	60	2
3	CN3	Đất công nghiệp, nhà máy, kho bãi	345.600,00	60	2
4	CN4	Đất công nghiệp, nhà máy, kho bãi	159.500,00	60	2
5	CN5	Đất công nghiệp, nhà máy, kho bãi	854.400,00	60	2
6	CN6	Đất công nghiệp, nhà máy, kho bãi	773.900,00	60	2
7	CN7	Đất công nghiệp, nhà máy, kho bãi	1.122.300,00	60	2
<b>III</b>	<b>CX</b>	<b>Đất cây xanh - mặt nước</b>	<b>523.900,00</b>		
1	CX1	Đất cây xanh	30.300,00	5	1
2	CX2	Đất cây xanh - Mặt nước	126.000,00	5	1
3	CX3	Đất cây xanh - Mặt nước	253.800,00	5	1
4		Đất cây xanh phân tán	113.800,00		
<b>IV</b>	<b>KTDM</b>	<b>Đất kỹ thuật đầu mối</b>	<b>56.700,00</b>		

1	KTDM1	Đất kỹ thuật đầu mối	53.200,00	40	1
2	KTDM2	Đất kỹ thuật đầu mối	3.500,00	40	1
<b>Tổng</b>			<b>4.622.400,00</b>		

- Mật độ xây dựng gộp trong toàn khu công nghiệp là 46%.

## **2. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan.**

a) Khu công nghiệp, nhà máy, kho bãi:

- Quy định tầng cao trung bình công trình là 02 tầng, mật độ xây dựng 60%.

- Hình thức kiến trúc đơn giản, hiện đại, mang loại hình kiến trúc công nghiệp hiện đại trên thế giới, phù hợp cảnh quan thiên nhiên và môi trường xung quanh.

b) Khu hành chính, thương mại, dịch vụ:

- Bao gồm: khu điều hành, khu văn phòng dịch vụ, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, khu vực để bố trí các cửa hàng bán buôn, bán lẻ hàng hoá, cửa hàng xăng dầu, nhà hàng khách sạn; tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu hàng hoá; khu vực dành cho hoạt động vui chơi giải trí, chợ thuê văn phòng làm việc, hội trường, phòng họp để tổ chức các hội nghị, hội thảo, giao dịch và ký kết các hợp đồng thương mại trong, ngoài nước; khu vực dành cho các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, tin học, tư vấn, môi giới đầu tư, du lịch,....

- Quy định tầng cao trung bình công trình là 07 tầng, mật độ xây dựng 40%.

- Hình thức kiến trúc: hiện đại và đơn giản, tạo công trình điểm nhấn cho toàn khu công nghiệp. Khu hành chính, thương mại, dịch vụ được bố trí tại vị trí thuận lợi về giao thông (tiếp giáp các trục đường chính) và đảm bảo tiện lợi trong giao dịch và điều hành.

c) Khu cây xanh :

- Hệ thống cây xanh bóng mát được bố trí dọc các trục giao thông. Hình thành khu vực cây xanh tập trung tại vị trí trung tâm khu công nghiệp.

- Hệ thống cây xanh ven các trục đường chính theo hướng Bắc Nam và Đông Tây tạo ra các trục không gian dẫn hướng, dẫn gió ra không gian mặt nước.

## **B. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.**

### **1. Chuẩn bị kỹ thuật xây dựng.**

**a) Quy hoạch cốt nền xây dựng (hệ cao độ Lục địa).**

- Cốt nền xây dựng cho khu vực nghiên cứu  $\geq +3,10\text{m}$ .

- Độ dốc và hướng dốc.

+ Khu vực nghiên cứu được san nền với độ dốc thiết kế 0,2%.

+ Hướng dốc san nền: Dốc về các mương nước và các trục đường.

- Cốt nền xây dựng thấp nhất: + 3,10m; cốt san lấp mặt bằng : +2,60m.

- Khu vực cây xanh san nền dốc dần về phía hồ, cốt nền thấp nhất: +1,60m.

(Ghi chú: Hệ cao độ Hải đồ = hệ cao độ Lục địa +1,89m).

**b) Thoát nước mưa.**

- Hình thức thoát nước:

+ Thoát nước mưa được thiết kế theo hình thức thoát trực tiếp và gián tiếp qua hệ thống cống, mương thoát, hồ điều hòa; sau qua cống ngăn triều thoát ra sông, biển.

+ Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng hệ thống thoát nước thải.

- Phân lưu vực thoát nước:

Diện tích lưu vực tính toán: 646,1 ha (bao gồm 513,40ha của dự án và 132,7 ha của dự án Khu công nghiệp Deep - C2B).

Xây dựng hệ thống mương thoát, hồ điều hoà với tổng diện tích: 22,49ha.

Để tăng diện tích chứa nước bổ sung cho hồ điều hòa, khu cây xanh tập trung được thiết kế có cốt nền thấp, khi mưa lớn kết hợp với triều cường thì cho phép nước mưa được đổ ngập vào khu công viên trong thời gian không quá 6h.

- Mạng lưới cống thoát nước:

+ Không chế độ sâu chôn cống tối đa cho khu vực nghiên cứu là +0,1m.

+ Xây dựng các mương có chiều rộng từ 10m ÷ 14m nằm bao quanh hoặc xen kẽ giữa các lô đất. Nước mưa sau khi được thu gom sẽ thoát trực tiếp vào các mương nước nhằm giảm độ sâu chôn cống và giảm kích thước các đường cống thoát.

+ Cống thoát nước được thiết kế theo kiểu tự chảy trọng lực. Vị trí các cống được bố trí chôn dưới vỉa hè đối với các trục đường có vỉa hè rộng >4m, hoặc dưới lòng đường đối với đường có vỉa hè  $\leq 4\text{m}$ , hệ thống thu nước hai bên đường bằng các ga thu hàm ếch với khoảng cách hố ga từ 40m ÷ 50m. Dọc theo tuyến cống thoát nước bố trí các giếng thăm với khoảng cách từ 40m ÷ 50m, cuối tuyến cống xây dựng các miệng xả để xả nước vào hồ, kênh, mương thoát nước.

+ Cổng thoát nước được sử dụng là cổng tròn bê tông cốt thép, đường kính cổng thoát nước từ D600 ÷ D1800.

## 2. Quy hoạch giao thông.

### a) Giao thông đối ngoại.

- Phía Bắc khu vực dự án hiện có tuyến đường Tân Vũ - Lạch Huyện, nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng.

### b) Giao thông trong khu công nghiệp.

- Hệ thống giao thông trong khu quy hoạch được thiết kế theo dạng ô cờ:

+ Mặt cắt 1-1, lộ giới 56m.

Mặt đường:  $4 \times 3,75\text{m} + 4 \times 3,75\text{m} = 30,0\text{m}$

Dải phân cách giữa:  $= 6,0\text{m}$

Via hè:  $7\text{m} + 3\text{m} + 3\text{m} + 7\text{m} = 20,0\text{m}$

+ Mặt cắt 2-2, lộ giới 50m.

Mặt đường:  $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$

Mương nước:  $= 18,0\text{m}$

Via hè:  $7\text{m} + 1,5\text{m} + 1,5\text{m} + 7\text{m} = 17,0\text{m}$

+ Mặt cắt 3-3, lộ giới 42,5m.

Mặt đường:  $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$

Mương nước:  $= 10,5\text{m}$

Via hè:  $7\text{m} + 1,5\text{m} + 1,5\text{m} + 7\text{m} = 17,0\text{m}$

+ Mặt cắt 3"-3", lộ giới 42,5m.

Tương tự mặt cắt 3-3 nhưng sát vị trí Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) do Công ty Cổ phần Công nghiệp Hồng Đức làm chủ đầu tư.

+ Mặt cắt 4-4, lộ giới 26,0m.

Mặt đường:  $= 10,0\text{m}$

Via hè:  $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$

+ Mặt cắt 5-5, lộ giới 16,0m.

Mặt đường:  $= 8,0\text{m}$

Via hè:  $= 8,0\text{m}$

+ Mặt cắt 6-6, lộ giới 21,0m.

Mặt đường:  $= 9,0\text{m}$

Via hè:	$2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$
+ Mặt cắt 6'-6', lộ giới 25,0m.	
Mặt đường:	$= 10,0\text{m}$
Via hè:	$2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$
+ Mặt cắt 7-7, lộ giới 21,0m.	
Mặt đường:	$= 8,0\text{m}$
Via hè:	$8\text{m} + 5\text{m} = 13,0\text{m}$
+ Mặt cắt 8-8, lộ giới 45,5m.	
Mặt đường:	$2 \times 9\text{m} = 18,0\text{m}$
Dải phân cách giữa:	$= 10,5\text{m}$
Via hè:	$7\text{m} + 1,5\text{m} + 1,5\text{m} + 7\text{m} = 17,0\text{m}$
+ Mặt cắt 9-9, lộ giới 36,0m.	
Mặt đường:	$2 \times 9\text{m} = 18,0\text{m}$
Dải phân cách giữa:	$= 3,0\text{m}$
Via hè:	$2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$

### 3. Quy hoạch cấp nước.

- Trong giai đoạn đầu, nước được cấp từ Khu công nghiệp Đình Vũ, thông qua đường ống  $\Phi 200$ .

- Nguồn cấp cho Khu công nghiệp (02 nguồn): trước mắt sử dụng nguồn cấp nước từ Nhà máy nước An Dương hiện có; trong tương lai lâu dài bổ sung nguồn cấp từ Nhà máy nước Hưng Đạo, quận Dương Kinh.

- Công trình đầu mối: Quy hoạch 01 trạm bơm tăng áp đặt phía Tây Khu công nghiệp (tại lô KTDM1), công suất  $20.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ , diện tích khoảng 1,0ha, lấy nước từ đường ống ngoài  $\Phi 800$  dự kiến.

- Mạng lưới cấp nước: thiết kế theo mạng vòng kết hợp nhánh. Cấp nước sản xuất và cấp nước chữa cháy tách thành hai mạng lưới cấp nước riêng biệt, nguồn nước cùng lấy từ trạm bơm tăng áp của khu công nghiệp. Ống cấp nước có đường kính  $\Phi 100$  đến  $\Phi 500$ , vật liệu làm ống là HDPE với  $C=140$ . Trên các tuyến ống cấp nước chữa cháy có bố trí họng cứu hoả với khoảng cách 150m/trụ.

### 4. Hệ thống cấp điện.

#### a) Nguồn điện.

- Trong giai đoạn đầu, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) tạm thời được cấp điện từ trạm cắt 22kV Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Tương lai nguồn điện cấp cho khu vực nghiên cứu được lấy từ trạm biến áp dự kiến 110/22kV. Với công suất đặt 63MVA đảm bảo nguồn điện cấp cho khu vực.

#### **b) Trạm biến áp.**

- Trạm biến áp 110/22kV:

+ Xây dựng trạm biến áp 110/22kV công suất 63MVA, vị trí cạnh khu TMDV1 với diện tích khoảng 0,335ha do Điện lực Hải Phòng cung cấp.

- Trạm biến áp 22/0,4kV:

+ Xây dựng các trạm biến áp công suất từ 250kVA ÷ 630kVA phục vụ cho các công trình công cộng và khu kỹ thuật đầu mối.

+ Các trạm biến áp phải có tủ mạch vòng RMU, vị trí đặt trạm tại trung tâm các phụ tải.

#### **c) Trạm cắt 22kV và phân vùng phụ tải.**

- Nguồn 22kV từ trạm biến áp 110/22kV cấp cho các phụ tải trong khu vực nghiên cứu thông qua 05 trạm cắt.

+ Trạm cắt 1: cấp nguồn cho các khu vực CN2, CN3 với tổng công suất khoảng 6,35MVA.

+ Trạm cắt 2: cấp nguồn cho khu vực CN8 với tổng công suất khoảng 8,31MVA.

+ Trạm cắt 3: cấp nguồn cho khu vực CN1, CN4 và một phần CN6 (3/10CN6) với tổng công suất khoảng 8,17MVA.

+ Trạm cắt 4: cấp nguồn cho một phần CN7 (7/9CN7) với tổng công suất khoảng 8,27MVA.

+ Trạm cắt 5: cấp nguồn cho một phần CN6 (7/10CN6) và một phần CN7 (2/7CN7) với tổng công suất khoảng 7,63MVA.

+ Khu TMDV1, với tổng công suất 2,26MVA cấp nguồn trực tiếp từ trạm biến áp 110/22kV dự kiến.

#### **d) Hệ thống lưới điện.**

- Lưới điện cao áp 110kV:

+ Dự kiến xây dựng đường dây nổi 110kV từ trạm biến áp Nam Đình Vũ 1 đến trạm biến áp 110kV dự kiến với chiều dài khoảng 1750m (khoảng 11 cột). Sử dụng đường dây nổi ASCR hai mạch có tiết diện 240mm<sup>2</sup> (ASCR 240/30mm<sup>2</sup>).

- Lưới điện trung thế 22kV:



+ Giải pháp: dự kiến sử dụng phương pháp cáp điện mạch vòng kín, vận hành hở kết hợp với lưới điện trung áp 22kV đi ngầm.

+ Nguồn 22kV từ trạm biến áp 110/22kV cấp đến các trạm cắt dự kiến bằng hai đường cáp ngầm 22kV tiết diện AL/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x240mm<sup>2</sup> cho các trạm cắt 1, 2, 3, 4, 5 (02 đường cáp ngầm dự kiến cấp nguồn cho cả khu II). Để tăng khả năng dự phòng giữa hai mạch vòng 1 và 2, dự kiến liên kết bằng một đường cáp ngầm 22kV-AL/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x240mm<sup>2</sup>.

#### **e) Quy hoạch hệ thống chiếu sáng.**

- Nguồn cấp: Công suất tính toán cho hệ thống chiếu sáng: 119,5kW. Hệ thống chiếu sáng được cấp nguồn trực tiếp từ các trạm biến áp TBA CS1, 2, 3, 4: 22/0,4kV công suất 30kVA/trạm, tổng công suất trạm 120kVA (trạm biến áp 1, 2 dùng cho chiếu sáng cả khu II).

- Phương pháp chiếu sáng.

+ Đường giao thông mặt cắt 1-1 dự kiến bố trí chiếu sáng cần đơn, chiếu sáng hai bên vỉa hè.

+ Đường giao thông mặt cắt 2-2, 3-3, 3'-3', 3''-3'', 4-4, 5-5, 6-6, 6'-6', 7-7, 8-8, 9-9 dự kiến bố trí chiếu sáng cần đơn, chiếu sáng một bên vỉa hè.

+ Tại các đảo giao thông sử dụng đèn đèn LED chiếu sáng.

### **5. Hệ thống thoát nước thải.**

#### **a) Thoát nước thải.**

- Hình thức thoát nước: Nước thải từ các nhà máy sản xuất phải được tiền xử lý (không phải xử lý hoàn toàn). Việc xử lý nước thải được thực hiện tại Nhà máy xử lý nước thải sau đó mới được thoát ra bên ngoài.

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Trong giai đoạn đầu, nước thải được xử lý thông qua trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Trạm xử lý: Phạm vi nghiên cứu bố trí 01 trạm xử lý, vị trí tại khu KTDM1 (phía Tây dự án) với công suất 16.000m<sup>3</sup>/ngđ, diện tích khoảng 2,5ha. Chất lượng các thông số điển hình trong nước thải công nghiệp đã qua xử lý lấy theo cột 3 của TCVN 7221-2002. Nước thải đã qua xử lý được thoát ra hồ gần nhất.

+ Lưu vực thoát nước: Địa hình khu vực tương đối bằng phẳng, đối với những khu vực xa trạm xử lý, tuyến cống có độ sâu chôn cống lớn hơn 4m thì dùng trạm bơm dâng; có tổng số 09 trạm bơm dâng.

- Mạng lưới đường cống:

+ Công thoát nước thải có đường kính D400 ÷ D600 là các ống HDPE và PVC.

+ Khu 1 bố trí một tuyến công có đường kính D450 dùng để đẩy nước thải từ phía Nam khu công nghiệp qua khu công viên hồ điều hòa về trạm xử lý nước thải.

+ Trên đường công thoát nước thải có bố trí các giếng thăm với khoảng cách 40m ÷ 60m một giếng.

#### **b) Vệ sinh môi trường.**

- Rác thải sinh hoạt: Rác thải được thu gom, vận chuyển đưa về khu xử lý chất thải rắn cho phép.

- Rác thải công nghiệp: Các nhà máy trong khu ký hợp đồng riêng với các công ty thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp để thu gom và xử lý đúng quy định.

#### **6. Thông tin liên lạc.**

- Hệ thống thông tin liên lạc cho khu công nghiệp được ghép nối vào mạng viễn thông của quận Hải An thông qua tổng đài dự kiến dung lượng 4000 lines. Khu vực thiết kế được tính toán đảm bảo về dung lượng cũng như lưu lượng thuê bao dự kiến.

- Mạng internet: tiếp tục triển khai lắp đặt thiết bị truy nhập DSLAM đến khu vực nghiên cứu, đảm bảo nhu cầu phát triển thuê bao, cung cấp dịch vụ Internet băng thông rộng và triển khai cung cấp dịch vụ truy nhập internet tốc độ cao bằng cáp quang đến toàn bộ trung tâm công cộng và khu công nghiệp.

**Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan và tổ chức thực hiện:

- Sở Xây dựng và Đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về những nội dung nghiên cứu và tính toán kinh tế - kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh và hồ sơ bản vẽ của Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) theo quy định được duyệt theo Quyết định này.

- Ủy ban nhân dân quận Hải An có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 2) theo quy định.

- Nội dung quy hoạch được phê duyệt là cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

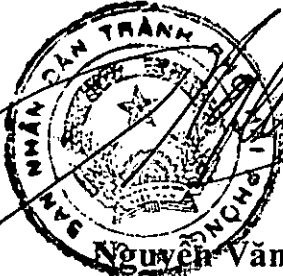
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Thông tin và

Truyền thông, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hải An, Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- TT TU, TT HĐNDTP;
- CT và các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CPVP;
- CV: QH, XD, GT, ĐC;
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Tùng